

CÁC “THẾ GIỚI NGÔN TỪ” TRONG TRUYỆN NGẮN “KHÔNG CÓ VUA” CỦA NGUYỄN HUY THIỆP

HỒ VĂN HẢI*

TÓM TẮT: Bài viết hướng tới việc vận dụng “Lí thuyết Thế giới ngôn từ” để tiếp cận truyện ngắn “*Không có vua*” của Nguyễn Huy Thiệp. Đây là tác phẩm được đánh giá cao về mọi mặt trong nền văn học đương đại. “Lí thuyết Thế giới ngôn từ” xem tác phẩm như một thế giới sống động được chứa đựng trong hệ thống ngữ liệu phức tạp và độc đáo. Trong đó, mỗi đơn vị ngôn từ đều là dấu hiệu về sự “diễn giải” thế giới mà những đối tượng tham gia vào văn bản tạo ra. Sử dụng cách nhìn trên để phân tích truyện ngắn “*Không có vua*” có thể giúp người tiếp nhận và phân tích văn chương thấy được vẻ đẹp của thi pháp ngôn ngữ và cách thức nhà văn Nguyễn Huy Thiệp dựng công trong xây dựng một “thế giới” sống động về gia đình lão Kiền như là hình ảnh thu nhỏ của một xã hội trong giai đoạn chuyển mình với tất cả những “điểm sáng” và “bóng tối” đan xen nhau.

TỪ KHÓA: Thế giới ngôn từ; trực chỉ; thế giới nhận thức; thế giới tình thái.

NHẬN BÀI: 06/11/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 13/04/2026

1. Mở đầu

Lí thuyết Thế giới ngôn từ (LTTGNT), xuất phát từ nền tảng Khoa học tri nhận và Ngôn ngữ học tri nhận, do Paul Werth khởi xướng và được Joanna Gavins phát triển. Werth lần đầu giới thiệu lí thuyết này qua hai bài báo “*How to Build a World*” (“*Cách kiến tạo thế giới ngôn từ*”) và “*World Enough and Time*” (“*Thế giới ngôn từ và yếu tố thời gian*”) (1995), sau đó hệ thống hóa trong chuyên luận “*Text Worlds: Representing Conceptual Space in Discourse*” (“*Thế giới ngôn từ như là sự biểu đạt phạm trù không gian của diễn ngôn*”) (1999). Ông coi tác giả và độc giả là những “tham tử” chủ đạo, kết nối với nhân vật và sự vật trong một không gian, thời gian nhất định để kiến tạo các thế giới ngôn từ (text worlds), còn gọi là không gian tinh thần (mental spaces). Trong “*Text World Theory: An Introduction*” (“*Nhập môn Lí thuyết Thế giới ngôn từ*”) (2007), Gavins nhấn mạnh hiệu lực của LTTGNT trong việc mô tả các không gian tri nhận nơi tác giả, nhân vật, độc giả cùng tham dự vào quá trình kiến tạo nghĩa.

Thế giới ngôn từ (TGNT) là đối tượng nghiên cứu trung tâm của LTTGNT. Theo Lí thuyết này, TGNT được hình thành từ hai nhóm yếu tố: (1) yếu tố kiến tạo thế giới (thời gian, không gian, thực thể, quan hệ), và (2) nhân tố thúc đẩy chức năng (những phần tử làm biến đổi hoặc dịch chuyển thế giới). Mỗi TGNT vận hành trên ba bình diện: cấu trúc tình thái, hoạt động tinh thần và trật tự thời gian. Trong đó, hệ trực chỉ (deixis) đóng vai trò định vị thế giới: chúng phản ánh hiện thực, ký ức, tưởng tượng hay ước vọng của con người để thiết lập bối cảnh và sự kiện. Nhờ tham chiếu trực chỉ, người đọc tri nhận và tái tạo nên các TGNT. Ở đó, văn bản không đơn thuần là “nội dung thể hiện” mà là môi trường kích hoạt cho việc hình dung thế giới trong lòng người đọc.

Về phương diện chức năng, Werth (1999) chia TGNT thành ba loại cơ bản: (1) thế giới trực chỉ (định vị thời gian - không gian); (2) thế giới nhận thức, gắn với tri thức, suy luận; (3) thế giới tình thái, phản ánh cảm xúc, thái độ. Gavins lại tiếp tục chia thế giới tình thái thành ba dạng cơ bản: tình thái ước vọng, tình thái đạo nghĩa và tình thái nhận thức. Trong văn bản văn chương, tình thái nhận thức là phổ biến nhất thể hiện qua ngôi kể, điểm nhìn và giọng điệu. Đây cũng là yếu tố cơ bản phân biệt văn bản nghệ thuật với văn bản phi nghệ thuật. Về phương diện cấu trúc - chức năng, thế giới trong văn bản được phân chia thành 3 cấp độ: thế giới diễn ngôn (không gian giao tiếp tác giả - độc

*TS; Trường Đại học Sài Gòn; Email: hvhai@sgu.edu.vn

giả), thể giới ngôn từ (không gian tinh thần do văn bản kích hoạt) và thể giới tình thái (các lớp phản ánh niềm tin, giả định, cảm xúc).

Trên thế giới, việc vận dụng LTTGNT vào phân tích tác phẩm văn chương đã đạt được khá nhiều thành tựu. Ở Việt Nam, khoảng hơn 10 năm qua, sau khi Ngôn ngữ học tri nhận đã bán rã khá chắc thì LTTGNT mới được chú ý. Một số công trình, bài viết vận dụng Lí thuyết này để tiếp cận tác phẩm văn chương khá thành công. Việc áp dụng LTTGNT vào phân tích ngôn ngữ truyện ngắn “*Không có vua*” để giải mã cấu trúc nhận thức, trạng thái tâm lí, cảm xúc của nhân vật, chủ thể sáng tạo và người đọc có thể giúp ta hướng tới cảm nhận tác phẩm này một cách chính xác, sâu sắc và toàn diện.

2. Kết cấu Thể giới ngôn từ của tác phẩm “*Không có vua*”

2.1. Chủ thể giao tiếp

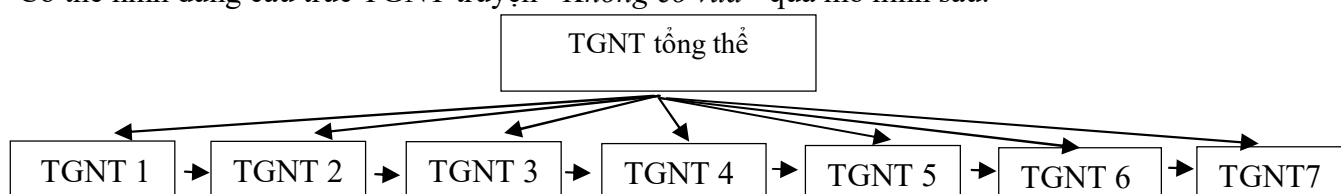
Trong văn học Đổi mới, Nguyễn Huy Thiệp tạo được phong cách truyện độc đáo, ngôn ngữ ngắn gọn, sắc lạnh, ẩn dụ dày đặc, giàu “khoảng trống” tạo tiềm năng suy tưởng. *Không có vua* (1987) đặt nhân vật vào đời sống xã hội ngổn ngang, nơi vấn đề nhân cách và tình thương hiện ra gai góc. Người kể tiết chế, ưu tiên đối thoại giữa các nhân vật, người nghe và người nói trong truyện tương tác liên tục với nhau tạo nên các diễn ngôn đa chiều. Kết hợp LTTGNT với bối cảnh ra đời, tác giả, người đọc hôm nay và những giá trị phổ quát của nền văn hóa Việt được lưu giữ trên dòng chảy hiện sinh cho phép chúng ta tri nhận và lí giải truyện “*Không có vua*” với độ tin cậy cao.

2.2. Sơ đồ tổng thể

Tác phẩm vận hành theo nguyên lí tình lược - dồn nén, làm tăng “mật độ” thông tin và tính đa nghĩa. Văn bản gồm bảy tiểu thể giới: (1) “*Gia cảnh*”; (2) “*Buổi sáng*”; (3) “*Ngày giỗ*”; (4) “*Buổi chiều*”; (5) “*Ngày Tết*”; (6) “*Buổi tối*”; (7) “*Ngày thường*”. Phương diện thời gian: “sáng” → “chiều” → “tối” tạo ẩn dụ: khởi phát → suy tàn → tái sinh. Nhan đề “*Không có vua*” gợi ra tình trạng vô chủ, vô trật tự; đồng thời, mệnh đề “tiền là vua” có tính ám chỉ đã mở ra nhiều suy tưởng khác nhau... Tên của các nhân vật gợi liên tưởng đến “bát quái” (Kiên, Cấn, Đoài, Khiêm, Khảm, Tốn, Sinh) nhưng không toàn vẹn và có dấu hiệu nhiễu loạn. Cấu trúc bảy phần như một sự liệt kê làm người đọc liên tưởng đến sự hình thành vũ trụ trong Kinh Thánh. Các nghi lễ gợi liên tưởng về sự cân bằng bằng nguyên lí đối lập: “*Ngày giỗ*” (thiên liêng) bị phạm tục hóa bởi đám con cái, đưa thì sĩ diện, đưa thì toan tính; “*Ngày Tết*” là khoảnh khắc giao hòa của trời đất và con người, mở ra nguồn năng lượng mới với hi vọng tràn đầy... Xuyên suốt tác phẩm là hệ thống biểu tượng tan rã - tái sinh, từ cái chết của lão Kiên và sự thai nghén đến sự chào đời của đứa trẻ, biểu đạt quá trình sụp đổ trật tự cũ để hình thành nên một trật tự mới.

Chuỗi bảy tiểu TGNT kiến tạo mô hình TGNT của tác phẩm. Các trục chỉ về lời hát của Tốn, nghi lễ giỗ - Tết, khoảnh khắc sinh nở của Sinh đến cái chết của lão Kiên đều là những mốc kích hoạt các bước chuyển thể giới một cách liên tục trên trục thời gian, không gian và tình thái. Tính đa thanh của giọng điệu và điểm nhìn phân tán khiến TGNT tình thái đạo nghĩa, tình thái nhận thức nổi lên như một phương thức tổ chức tác phẩm với những thủ pháp làm mờ ranh giới thiện/ác, đen/trắng... càng làm nổi bật các đặc trưng tự sự của văn chương Nguyễn Huy Thiệp.

Có thể hình dung cấu trúc TGNT truyện “*Không có vua*” qua mô hình sau:



2.3. Đặc điểm mô hình cấu trúc “*Thể giới ngôn từ*” của tác phẩm

TGNT (1) “*Gia cảnh*”, gồm thông tin chung và đặc điểm của từng nhân vật. Các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: thực tại; 2) tham tố không gian: gia đình; 3) tham tố nhân vật: thành viên gia đình; 4) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu trung tính và đa

thanh; 5) tham tố vật thể và các đặc tính được gán: Cấn: thương binh; con trưởng; nghề cắt tóc hái ra tiền; Đoài: công chức ngành giáo dục; Khiêm: nhân viên lò mổ; Khảm: sinh viên đại học; Tốn: con út, bệnh thần kinh; lão Kiên: vợ mất, nghề chữa xe đạp; Sinh: vợ Cấn. Đặc điểm nhân vật: Tốn: hay giúp đỡ Sinh; Lão Kiên: cau có; Khiêm: nóng nảy; Đoài: hay nói móc mỉa; Khiêm: khinh hai ông anh; Sinh: *“như cơn mưa rơi xuống đất nê”*; Cấn: người hạnh phúc nhất; Khiêm: góp mỗi hôm một cổ lòng, vài cân thịt. 6) Tham tố thúc đẩy chức năng: Sinh → về nhà chồng mang theo nhiều đồ đạc; Tốn → lau nhà, giặt giũ; Đoài → lấy cơm vào cặp lồng, cho vào mấy miếng thịt, mấy miếng lòng; Cấn → nâng giá cắt tóc... TGNT (1) mở ra với các trục chỉ của sự kiện *“Sinh về làm dâu”* mang theo nhiều thứ cho thấy xuất thân trong gia đình khá đầy đủ. Tham tố này cho biết khi Sinh bị “rơi” vào một gia đình mỗi người một cá tính mạnh, không ai chịu ai, một gia đình *“toàn đàn ông”*, ngay như bố chồng *“năm mươi ba tuổi”*, mất vợ nhưng *“ở vậy”* đã là một khoảng trống lớn là áp lực rất lớn của bất kì cô gái nào về làm dâu, vừa dễ bị dòm ngó, vừa không có “đồng minh” trong chuyện bếp núc, nội trợ và hòa giải. Tiêu điểm chuyển vào các trục chỉ về sự cảm nhận của nhân vật Sinh: *“ngõ ngang với không khí tự do trong nhà, ăn cơm chẳng ai mời ai, sáu người đàn ông, ai cũng coi trôn, mặc quần đùi cười nói thân nhiên, chan chan húp húp như rồng cuốn”*... cộng với các trục chỉ có tính chất phụ trợ về các hành động của Tốn: *“suốt ngày lau nhà, giặt giũ.. vừa làm, nó vừa ti ti hát”* một bài hát nghe rất “vu vơ” nhưng lại “vận vào” hiện thực mà Sinh đang đối mặt: *“A ha... Không có vua/ Sớm đến chiều say sưa”*... Các trục chỉ bước đầu như là những dấu hiệu của tiêu điểm gia đình lão Kiên: một ngôi nhà thiếu nóc, các thành viên là những cá thể độc lập, suy nghĩ và hành động theo ý mình. Các trục chỉ tiếp theo càng làm rõ thêm tiêu điểm. Với lão Kiên thì *“suốt ngày cau có; cãi nhau với mọi người như cơm bữa, lời lẽ cay độc; Khiêm to lớn, lừng lừng, tính nóng nảy; có vẻ khinh hai ông anh; cắt tóc bao giờ cũng trả tiền”*; với Đoài thì khôn lỏi và vô ơn, đang hưởng đồ ăn do Khiêm đưa về nhưng miệng thì châm chọc: *“là tôi nói chú khéo xử sự với người, mà nhanh xử sự với lợn”*; với Sinh là sự xuất hiện của cô đã làm cho *“không khí dịu lại”*. Tất cả các trục chỉ về các nhân vật đã giúp người đọc hình dung về một gia đình “đa dạng” nhưng “vận động” “vô hướng”.

TGNT (2) *“Buổi sáng”*, khởi đầu của một ngày bình thường, gồm TGNT (2.1) thức dậy → TGNT (2.2) chuẩn bị và bắt đầu của một ngày làm việc. Các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: từ khi thức dậy đến khi mọi người đi làm; 2) tham tố không gian: trong gia đình; 3) tham tố nhân vật: tất cả mọi thành viên; 4) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba xen với lời thoại của các nhân vật; giọng điệu trung tính và đa thanh; 5) tham tố vật thể và các đặc tính được gán: ổ cắm bếp điện: bị hỏng; căn nhà: lặng im được độ một tiếng đồng hồ; 6) tham tố thúc đẩy chức năng: (thức dậy): Khiêm → để đồng hồ báo thức một giờ sáng → đánh răng súc miệng → dắt xe đi; Tốn → ra khóa cửa; Đoài → bị mất ngủ, cầu nhàu; lão Kiên → dậy → bị điện giật → chửi; Đoài → nói vọng ra → cười; Lão Kiên → lẩm bẩm; Khảm → rên rỉ. (chuẩn bị cho một ngày làm việc): Sinh → dậy nấu cơm; Cấn → nhặt rau; Lão Kiên → mở cửa hàng; Khảm → xới cơm; Đoài → bảo: *“Nhập gia tùy tục”*; Lão Kiên → bảo: *“Quân trí thức bây giờ toàn phờng phàng phụ tục tử”*; Đoài → nhìn ngực chị dâu; Sinh → lên cài khuy áo. (khởi đầu một ngày làm việc): Sinh → dọn mâm bát; Lão Kiên → ngồi uống nước; Khảm → bảo: *“Anh Cấn ơi, anh cho em năm chục”* → nhăn nhó → dắt xe ra cửa → mở cửa buồng → xúc ra bò rười → lên đi ra; Sinh → cắt nôi dưới bếp; Đoài → đi theo → lấy cơm vào cặp lồng → chạm vào lưng Sinh; Sinh → hốt hoảng; Tốn → lau sàn → hát; Đoài → dắt xe đi... TGNT (2.1) mở ra với thể giới trục chỉ mô tả hoạt động mỗi người một việc nhưng lại va chạm nhau nảy lửa. Với Khiêm, đề chuông *“đồng hồ báo thức một giờ sáng”*, hệ quả là *“Đoài bị mất ngủ, cầu nhàu: “Thật là giờ làm việc của quân đạo tặc”*. Tiếp đến là *“ba giờ sáng, lão Kiên dậy; bị điện giật, bèn chửi”*. Mức độ xung đột tăng tiến bằng hành động nối tiếp của Đoài với lời nói châm chọc, độc địa: *“ở nhà này thì lá vàng còn ở trên cây, lá xanh rụng xuống là chuyện thường tình”*. TGNT tiếp tục phát triển qua màn đối đáp càng ngày càng gay gắt giữa hai cha con. Khi lão Kiên chửi: *“Tao không hiểu thế nào người ta lại cho mày làm việc ở Bộ giáo dục!”* và Đoài cười mỉa mai rằng, cái lí lịch *“trong sạch như gương”* với *“một miếng và xăm đáng một chục nhưng tương lên ba chục”* của lão Kiên. Đến khi Khảm lên tiếng rên rỉ vì ngày mai thi môn triết học, Đoài mới chịu “buông” lão Kiên ra và tiếp tục

khẳng định cái “tôi” của mình qua tiêu điểm mới khi nói rằng cái vòng cổ của chị dâu mới là triết học. Đến đây, thế giới tình thái giễu nhại mới tạm thời khép lại để mở ra một thế giới trực chỉ mới. TGNT (2.2) mở ra với hành động: “*Sinh dậy nấu cơm*” với số gạo khổng, “*sáu bò rười*”, báo hiệu tính chất “đặc biệt” của một gia đình. Tiêu điểm khởi phát từ tham tố vọng tưởng quá khứ trong lời nói của Đoài: “*Hồi học đại học, có thằng bạn ăn sáu bát cơm trong một phút rười*” để ngụ biện cho tính phàm ăn của cả nhà và kết nối với lời “nhại” đi sau: “*có thực mới vực được tình*” thể hiện sự ham hố dục tình bất chấp đạo lý và tiếp nối bằng hành động “*nhìn chăm chú vào khoảng lõm ở ngực chị dâu*”. TGNT (2.2) tiếp tục phát triển và kết thúc bằng các hành động xin tiền của Khâm nhưng bị anh cả và bố ra điều kiện (phải làm việc) đã làm nảy sinh hành động tiếp theo: “*xúc ra bò rười (gạo) vào cặp rồi lên đi ra*” trong khi Đoài cũng “*lấy cơm vào cặp lồng*”, cố nhét thêm mấy miếng lòng, miếng thịt và “*đưa tay chạm vào lưng Sinh*”. Giữa những trực chỉ đó lại xuất hiện lời hát vu vơ của Tôn như một sự ám ảnh triền miên: “*A ha... không có vua...*”. Tất cả các trực chỉ trên đã tạo nên một thế giới tình thái nhận thức về tính cách và thực trạng của một gia đình mà giữa các thành viên thiếu sự kết nối.

TGNT (3) “*Ngày giỗ*”, gồm TGNT (3.1) thành phần tham dự → TGNT (3.2) lễ cúng → TGNT (3.3) vào tiệc. Các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: ngày làm giỗ; 2) tham tố không gian: trong gia đình; 3) tham tố nhân vật: các thành viên gia đình; họ hàng; bạn bè, đồng nghiệp của Đoài và Khâm; 4) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba xen lẫn lời thoại của các nhân vật; giọng điệu trung tính và đa thanh; 5) tham tố vật thể và các đặc tính được gán: ông Vỹ; vợ chồng cô em gái lão Kiên; Minh: trưởng phòng của Đoài; bạn Khâm: My Lan, Mỹ Trinh, Việt Hùng; 6) Các tham tố thúc đẩy chức năng: (lễ cúng): Lão Kiên → chấp tay, làm rằm khấn; Ông Vỹ → đến trước bàn thờ, đứng nghiêm; Bà Hiền → lạy ba lạy; Ông Hiền → vái ba vái; Cần → vái ba vái; Đoài → “*Lạy mẹ, mẹ phù hộ cho con đi học nước ngoài, kiểm cái xe Cub*”; Minh → bảo: “*Đi hay không sao lại phụ thuộc vào tôi?*”; Đoài → bảo: “*Gì thì gì, anh là sếp trực tiếp, anh quay lưng lại thì em rồi đời*”. (vào tiệc): Sinh → cúi húi dưới bếp; Khâm → giới thiệu tập anbum; Đoài → bảo: “*Sinh cho tôi xin một tý tình*”; Sinh → bảo: “*Nỡm*”; Đoài → xán lại, hôn chút lên má Sinh; Sinh → đẩy ra; Đoài → hỏn hển → đi ra; Sinh → bật khóc; Khiêm → hỏi: “*Thằng Tôn đâu?*” → xô cửa bước vào → ném gạt tàn vào mặt Cần → đập túi bụi → phá khóa; Cần → ôm ngực ho sù sụ, nhổ ra một chiếc răng gãy → giờ nắm đấm trước mặt bố... TGNT (3.1) mở ra với thế giới trực chỉ liệt kê thành phần tham dự đám giỗ “*bà Nón*” với quy mô “*năm mâm*” gồm người “*bên ngoại*”; “*vợ chồng cô em gái lão Kiên*”; “*khách dự*” là người cùng cơ quan của Đoài; “*ba bạn học cùng lớp*” của Khâm. Các trực chỉ cho thấy, đám giỗ khá quy mô và trang trọng, tập hợp đủ mọi vai vế, tầng lớp, lứa tuổi... TGNT (3.2) mở ra với thế giới trực chỉ được thể hiện qua những hành động cúng bái sống sít, ngượng nghịu. Tiêu điểm tập trung cao nhất vào hành động của Đoài, tay đang dính mỡ gà, được gọi thì chạy ra khấn vái: “*Lạy mẹ, mẹ phù hộ cho con đi học nước ngoài, kiểm cái xe Cub*”. Khi được hỏi: “*Cháu đi nước nào?*” thì câu đáp lại rẽ ngoặt sang một thế giới nhận thức mới ngoài dự tính: “*Cái đấy còn phụ thuộc cái ông để rĩa mếp mặc áo ca rô kia kìa*” và “*Công việc nhà nước biết thế nào là tốt xấu? Chỉ xin anh nhớ thằng Đoài lúc nào cũng tốt với anh*”. Màn đối đáp đã làm cho thế giới tình thái nhận thức đạt đến tầm triết luận: đúng - sai, tốt - xấu đều “đo” bằng ý thức chủ quan của cấp trên; người thức thời tìm kiếm lợi ích bằng việc trung thành vô điều kiện với sếp... TGNT (3.3) vào tiệc, gồm 3 bộ phận nối tiếp nhau theo diễn tiến của hoạt động. TGNT (3.3.1) phục vụ tiệc, mở ra với tiêu điểm là các công việc vắt vả của Sinh “*lúi húi dưới bếp*” còn những người khác thì tận dụng cơ hội này để làm việc riêng. Tiêu điểm chuyển qua Đoài, vừa mới tính chuyện “*chim*” cô gái bạn em trai lại quay ra sàm sỡ ngay với chị dâu: “*thế nào tôi cũng ngủ được với Sinh một lần*”. Tất cả trực chỉ đã làm hiện ra một thế giới tình thái nhận thức: con dâu thì làm không kịp thờ, con trai thì kẻ ngồi tán gẫu, kẻ nuôi ý nghĩ loạn luân... TGNT (3.3.2) xung đột, mở ra với các trực chỉ miêu tả hành động quyết liệt của Khiêm khi phát hiện anh cả nhốt đứa em tật nguyền vào xó bếp trong ngày giỗ mẹ vì sợ xấu mặt với khách. Từ việc tra hỏi từng người đến hành động quyết liệt của Khiêm với anh cả: “*cầm cái gạt tàn thuốc lá trên bàn ném vào mặt Cần*”; “*đám đá loạn xạ*”; “*đập túi bụi*”; “*phá khóa*”... đã tạo nên một thế giới nhận thức:

trong bất kì hoàn cảnh nào cũng không được phép đặt sĩ diện lên trên tình thân... TGNT (3.3.3) tàn tiệc, mở ra bằng trực chỉ hành động nói năng của Cấn: *"giờ nắm đấm trước mặt bố, bảo rằng: "Ông liệu tống thẳng ấy ra khỏi nhà này, không tôi giết nó"*. Nó cho thấy, sự xung đột đã đạt đến đỉnh điểm: anh cả không chấp nhận cái sai của mình và đe người cha ra quyết định. Tuy nhiên, sự hồi đáp của lão Kiên: *"Chúng mày cứ giết nhau đi, tao càng mừng"* lại mở ra một thế giới tình thái nhận thức mới: người đàn ông "gà trống nuôi con" dường như đã quá mệt mỏi và bất lực nên đành phải chấp nhận buông xuôi... TGNT (3) khép lại một "ngày giỗ" với ngôi kẻ giấu mặt, chỉ còn lại những lời đối thoại của một gia đình "đa sắc thái".

TGNT (4) *"Buổi chiều"*, gồm TGNT (4.1) sự cố nhằm lẫn → TGNT (4.2) tình thế oái oăm → TGNT (4.3) hậu nhằm lẫn. Các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: buổi chiều; 2) tham tố không gian: đám giỗ; 3) tham tố nhân vật: các thành viên gia đình; 4) tham tố tình thái: ngôi kẻ thứ ba và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu giấu mặt, đa thanh; 5) tham tố vật thể và các đặc tính được gán: không; 6) các tham tố thúc đẩy chức năng: (sự cố nhằm lẫn): Sinh → bảo: *"Buổi sáng, tôi bỏ cái nhẫn vào hộp kim chỉ, anh có cầm không?"*; Cấn → bảo: *"Thằng bạn mày lấy cắp nhẫn của chị Sinh"*; Khâm → hỏi: *"Ai bảo thế?"*; Cấn → bảo: *"Mắt tao trông thấy"* → dắt xe đi. (tình thế oái oăm): Sinh → đi tắm; Lão Kiên → bắc chiếc ghế đầu → ngó sang buồng tắm; Lão Kiên → bảo: *"Làm người nhục lắm"*. (hậu nhằm lẫn): Tôn → lau nhà, → thấy cái nhẫn rơi dưới gầm tủ; Cấn → tát Sinh; Đoài → xô Cấn ra → tay cầm con dao lăm lăm; Sinh → khóc nức nở... TGNT (4.1) mở ra với thế giới trực chỉ mô tả Sinh *"hốt hoảng"* tìm cái nhẫn quý, Cấn từ nghi ngờ người trong nhà rồi chuyển sang nghi bạn của Khâm. Trực chỉ tập trung vào tiêu điểm là lời dặn của lão Kiên khi mấy anh em tính mang dao búa đi đòi nhẫn: *"Mang theo cái búa! Đừng đánh vào đầu. Nó chết thì tù một gông"*. Tất cả đã làm nên thế giới nhận thức: ông bố tỏ ra dày dặn kinh nghiệm khi chủ trương chỉ dừng lại ở việc đe dọa để tránh hậu quả pháp lí... TGNT (4.2) chuyển hẳn sang trực chỉ mới miêu tả cảnh Sinh tắm, lão Kiên nhìn trộm và bị Đoài phát hiện. Hành động cuối cùng của lão Kiên khi tranh luận với Đoài là *"quay mặt về phía bóng tối"*, *"lắc đầu"* và nói rằng *"làm người nhục lắm"* đã biến thế giới trực chỉ thành thế giới tình thái nhận thức về sự bế tắc, bất lực của một người đàn ông mất vợ với những ham muốn rất thật nhưng đành chấp nhận "đầu hàng" trước ám ảnh về sức mạnh của luân thường đạo lí... TGNT (4.3) chuyển cảnh với việc *"Tôn lau nhà, thấy cái nhẫn rơi dưới gầm tủ"*; hành động chửi và đánh vợ *"nảy đom đóm mắt"* của Cấn; sự can ngăn quyết liệt của Đoài, *"tay cầm con dao lăm lăm"* cho thấy xung đột và sự hỗn loạn đã đạt đến cường độ mới... Kết thúc của thế giới trực chỉ là hành động *"Sinh úp mặt vào thành giường, khóc nức nở"*, than trời đã hình thành một thế giới tình thái nhận thức: làm dâu trong một gia đình "không có vua" thì thật khó khăn và nhục nhã. TGNT (4) kết lại với "buổi chiều tàn tạ" và hỗn loạn của gia đình lão Kiên.

TGNT (5) *"Ngày Tết"*, gồm TGNT (5.1) công việc chuẩn bị → TGNT (5.2) cúng tết → TGNT (5.3) chúc tết. Các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: những ngày sát tết và ngày tết; 2) tham tố không gian: gia đình; 3) tham tố nhân vật: những người trong gia đình và hàng xóm; 4) tham tố tình thái: ngôi kẻ thứ ba và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu có tính chất đa thanh; 5) tham tố vật thể và các đặc tính được gán: Ba ngày Tết: trôi qua, lòng đường: đầy xác pháo; 6) tham tố thúc đẩy chức năng: (chuẩn bị tết): lão Kiên → đi ngân hàng; Đoài → bảo: *"Tối nay tôi vào buồng Sinh nhé!"*; Sinh → vớ con dao; Đoài → vừa đi vừa lăm bắm: *"Đàn bà là giống ác quỷ"* → bảo: *"Chỉ có con đường lấy vợ giàu thôi"*. (cúng tết): Khiêm → bày lên bàn thờ con gà mái tơ → bảo: *"Chị là bề trên..."* → *"Mừng tuổi chị một nghìn, chị cầm lấy để cho có lộc"*; Sinh → rớm nước mắt; Tôn → hỏi: *"Tiền là gì?"*; Khiêm → bảo: *"Là vua"*. (chúc tết): hàng xóm → sang chúc Tết; Đoài → Đoài → bảo: *"Ngày xưa bọn ăn trộm có luật"*; con ông hàng xóm → bảo: *"Cái tay Đoài có học mà ăn nói linh tinh"*. Ông hàng xóm → bảo: *"Loạn"...* TGNT (5.1) mở ra với thế giới trực chỉ mô tả hoạt động của từng người. Việc mọi người cùng *"ăn Tết ông Táo lên trời"* được Đoài vận vào để gợi ý xa xôi từ chuyện *"ngày xưa có hai anh em cùng lấy một vợ"* dẫn đến việc sổ toẹt ý định bản thú của mình khi gạ gẫm Sinh: *"Tối nay tôi vào buồng Sinh nhé!"* Thế giới tình thái có sự chuyển động với việc Sinh phản ứng quyết liệt: *"Cút đi. Anh đến gần đây là tôi giết đấy!"* và sự *"lăm bắm"* của Đoài: *"Đàn bà là giống ác*

quỷ"; "chỉ có con đường lấy vợ giàu thôi" đã mở ra cùng lúc hai thế giới nhận thức mới: sức hút đến mê hoặc của đàn bà đã dày vò đàn ông đến khốn khổ; người giữ tiền, có nhiều tiền mới chiếm được những thứ mình muốn... TGNT (5.2) mở ra với trục chỉ đi từ việc soạn mâm và cúng giao thừa của Khiêm, Tôn, Sinh: "cả ba nét mặt rạng rỡ. Trời đất giao hòa, lòng người cảm động" đến việc anh chị em trong nhà chúc nhau, tặng tiền mừng tuổi của Khiêm cho chị dâu: "Mừng tuổi chị một nghìn, chị cầm lấy để cho có lộc". Trong lời chúc đã mở ra một thế giới tình thái đạo nghĩa khi "Sinh rớt nước mắt" cầm tiền mừng của em chồng và nhận ra tình thế bất lực của mình: "Anh Cấn giữ hết cả tiền, tôi chẳng có gì mừng tuổi cho chú". Khi Tôn hỏi Khiêm: "Tiền là gì?"; "Là vua", thế giới tình thái nhận thức được đẩy lên một đỉnh cao mới... TGNT (5.3) mở ra với tiêu điểm là nhân vật Đoàn trong tình huống đối thoại với hàng xóm sang chúc tết: "Xin lỗi bác, cháu chẳng biết nhà bác có bao nhiêu người, tên là gì?"; "Cứ thế này, cháu đi ăn trộm, lơ mơ phạm luật". Tiêu điểm chuyển qua đứa con người hàng xóm với câu nói: "Cái tay Đoàn có học mà ăn nói linh tinh" và lời đáp của người cha: "Loạn", đã tạo lập đầy đủ một thế giới tình thái nhận thức: mọi giá trị đều bị đảo lộn, người làm việc trong ngành giáo dục nhưng ăn nói như kẻ đầu đường xó chợ... TNNT (5) kết thúc với tính đa thanh của giọng điệu và đa nghĩa phức hợp trong thời khắc đặc biệt nhất của năm.

TGNT (6) "Buổi tối", ngày đại sự (tang lễ), gồm TGNT (6.1) hi sự → TGNT (6.2) đại sự. Các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: buổi tối; 2) tham tố không gian: gia đình; 3) tham tố nhân vật: các thành viên gia đình và người bà con; 4) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu giễu nhại, đa thanh; 5) tham tố vật thể và các đặc tính được gán; các tham tố thúc đẩy chức năng: (Hi sự): Sinh → tắt kinh → triệu chứng có thai. (Đại sự): lão Kiền → ốm → mất mờ đi; Bác sĩ → bảo: "Để thì chết, mổ may ra cứu được"; Cấn → bảo: "Từ khi bố ốm nhà mình tiêu nhiều tiền lắm" → giờ quyền sổ kế toán ra đọc; Đoàn → bảo: "Tôi nghĩ bố già rồi, mổ cũng thế, cứ để chết là hơn"; Tôn → khóc hu hu; Khảm → bảo: "Các anh thế nào thì em thế"; Đoàn → bảo: "Ai đồng ý bố chết giờ tay, tôi biểu quyết nhé"; Bà Hiền → bắt Khiêm chép kinh Vô thường; Khiêm → vào đọc kinh → ngồi đọc Suốt đêm; lão Kiền → tắt thở... TGNT (6.1) mở ra với tiêu điểm đầu tiên là Sinh tắt kinh, dấu hiệu sự thay đổi mới đã xuất hiện. TGNT (6.2) mở ra với trục chỉ miêu tả việc đoán nhầm bệnh và chữa nhầm thuốc rồi chuyển tiêu điểm qua cuộc họp gia đình do Đoàn chủ trì: "Đoàn bảo: "Tôi nghĩ bố già rồi, mổ cũng thế, cứ để chết là hơn". Mọi người đều né tránh đưa ra ý kiến, chỉ đưa con tật nguyên là khóc hu hu. Sau các hành động đùn đẩy thì Đoàn đề xuất: "Ai đồng ý bố chết giờ tay, tôi biểu quyết nhé". Câu nói này đã mở ra một thế giới tình thái đặc biệt: sự tỉnh táo, lí trí đến tận cùng là dấu hiệu của sự vô tâm một cách đáng sợ. Trục chỉ miêu tả lão Kiền "tắt thở, trên môi thấp thoáng nụ cười, trông rất hiền lành, trung hậu" cho thấy, dù khi sống phải bon chen, cũng có lúc lỗi đạo, nhưng kinh Phật đã giúp con người ta ngộ ra chân lí "vô thường" để thanh thản ra đi... TGNT (6) kết thúc "bóng tối" với giọng điệu yêu thương để mở ra một TGNT mới.

TGNT (7) "Ngày thường", gồm TGNT (7.1) hi sự → TGNT (7.2) tin báo. Các tham tố chính: 1) tham tố thời gian: sau giỗ lão Kiền 100 ngày; 2) tham tố không gian: sinh hoạt gia đình; 3) tham tố nhân vật: các thành viên trong gia đình; 4) tham tố tình thái: ngôi kể thứ ba và lời thoại của các nhân vật; giọng điệu tâm tình; 5) tham tố vật thể và các thuộc tính được gán: không; 6) tham tố thúc đẩy chức năng: Sinh → đẻ con gái; mọi người → làm tiệc mừng; Đoàn → rót rượu; mọi người → nâng cốc; Khiêm → bảo: "Chị Sinh ơi về làm dâu họ Sĩ nhà này chị có khổ không?"; Sinh → bảo: "Khổ chứ. Nhục lắm. Vừa đau đớn, vừa chua xót. Nhưng thương lắm"; người đưa thư → qua cửa ngõ vào; Cấn → ra nhận điện; Đoàn → bảo: "Cứ gác lại đã..."... TGNT (7.1) mở ra với việc Sinh đẻ con gái và các trục chỉ trong hành động của Đoàn chúc phúc cho đứa bé: "Cốc rượu này tôi dâng cuộc sống... Vì đứa trẻ mới sinh ra kia, vì tương lai của nó" đã tạo nên một thế giới tình thái nhận thức: sự ra đời của một đứa trẻ là nhân tố quan trọng nhất để thay đổi tâm thức của cả một gia đình. Trục chỉ chuyển qua Sinh với chuỗi lời nói như là một sự tổng kết: "Sinh bảo: "Khổ chứ. Nhục lắm. Vừa đau đớn, vừa chua xót. Nhưng thương lắm". Các sắc thái ngữ nghĩa trong hành động nói năng rất ngắn gọn của Sinh đã tạo nên một thế giới tình thái nhận thức đặc biệt. Làm dâu trong một gia đình mà cha chồng thì nhòm ngó; em chồng, người thì nổi loạn, người thì cục tính; chồng thì ít học, ích kỉ, hà tiện và cục

cần... là một việc không đơn giản. Nhưng đọng lại trong câu nói cuối cùng, “*thương lắm*” là một thế giới đạo nghĩa: sự bất lực của tất cả những người đàn ông trong cái nhà này thật thảm hại. Họ là những nạn nhân của chính mình và của hoàn cảnh. Tôn an phận với tâm thân tàn tật; lão Kiên chơi vui khi mất vợ, mất chỗ dựa tinh thần vững chắc nhất; Khiêm đánh đổi sức khỏe để có miếng ăn; Khảm là sinh viên tay trắng; Đoài là kẻ lọc lõi và lưu manh nhưng không có tiền nên nổi loạn... Không gian “hi sự” đột ngột bị cắt ngang bởi một tin báo, cái chết của cậu Vỹ. Sự đối lập này tạo nên cú chuyển dịch thế giới, từ tình thái tích cực sang tình thái trung tính, rồi tiêu cực. Phản ứng của các nhân vật, đặc biệt là Đoài, làm nổi bật sự tê liệt cảm xúc của con người hiện đại. Tin báo tử với những trục chỉ đơn giản được mở ra với hành động của người đưa thư “*ngó vào*” căn nhà đang có tiếng cười rộn rã và bức điện được mở ra trong tay Cấn: “*Cậu Vỹ ở Phúc Yên mất lúc tám giờ sáng hôm qua*”. Đoài bảo: “*Cứ gác lại đã. Các bác già chết đi có gì là lạ? Tiếp tục cuộc vui đi. Nào, xin mời chur tương!*”. Ở đây, TGGNT (7.2) được nén chặt trong một luồng thông tin duy nhất, tin về cái chết nhưng hiệu ứng lại lan tỏa mạnh mẽ. Các yếu tố tình thái chuyển sang trạng thái nghịch dị: niềm vui và cái chết cùng tồn tại trong một không gian, nhưng không hề triệt tiêu nhau, mà hòa lẫn trong tâm thế lơ lửng, hoài nghi và trào lộng. Đến đây, thế giới tình thái nhận thức trở nên hoàn chỉnh, một số thành viên trong gia đình đã trở nên vô cảm với sự ra đi của người thân và nay đến lượt vô cảm với sự ra đi của người trong họ hàng. Thế giới này cho thấy một dạng tri nhận mới trong truyện Nguyễn Huy Thiệp: con người đang mất dần khả năng cảm xúc gia đình và xã hội, thay vào đó là những phản ứng “lí trí hóa” mọi việc diễn ra xung quanh. Tin về cái chết của người thân và họ hàng không còn là cú sốc tinh thần, mà chỉ là “một chi tiết bên lề” trong “bữa tiệc hỗn độn” của đời sống hiện sinh.

4. Kết luận

LTTGNT do Paul Werth khởi xướng và Joanna Gavins phát triển đã chứng minh được giá trị ứng dụng sâu rộng trong nghiên cứu văn bản nghệ thuật, đặc biệt là trong việc khám phá cấu trúc tri nhận và cơ chế vận hành của ngôn ngữ văn chương. Việc vận dụng lí thuyết này vào phân tích truyện ngắn *Không có vua* của Nguyễn Huy Thiệp cho phép người nghiên cứu nhận diện rõ hơn cách thức nhà văn kiến tạo thế giới nghệ thuật qua ngôn ngữ, đồng thời thấy được sự tương tác giữa người kể, nhân vật và người đọc trong không gian tri nhận phức hợp của văn bản.

Thông qua quá trình mô hình hóa và phân tích bảy tiểu thế giới ngôn từ trong *Không có vua*, có thể nhận thấy rằng, văn bản được vận hành chủ yếu bằng thế giới trục chỉ của hành vi đối thoại, trong đó các lớp tình thái giấu nhại, nghịch dị, đạo nghĩa và lí trí lạnh lùng liên tục xen cài, tạo nên một cấu trúc đa tầng, vừa chân thực vừa mỉa mai. Mỗi thế giới bộ phận mở ra một lát cắt đời sống, đồng thời cũng phản chiếu những biến dạng tinh thần, đạo lí và nhân tính trong một xã hội đang chuyển mình dữ dội. Mô hình TGGNT cho phép đọc truyện như một quá trình giải cấu trúc, tái cấu trúc trật tự gia đình và xã hội, trong đó người đọc không chỉ quan sát mà còn tham dự vào hành trình tri nhận ấy.

Kết quả nghiên cứu trên cũng cho thấy, LTTGNT không chỉ là một công cụ phân tích hữu hiệu để khám phá chiều sâu của ngôn ngữ văn chương mà còn góp phần định lượng hóa và cụ thể hóa các hiện tượng nghệ thuật thường được cảm nhận bằng trực giác. Nhờ đó, người nghiên cứu có thể lượng giá được mức độ thành công của tác phẩm dựa trên bằng chứng ngữ liệu và cấu trúc tri nhận chứ không chỉ qua phê bình cảm tính.

Lời cảm ơn: Bài báo này là sản phẩm của đề tài nghiên cứu mã số CSB.2025.073 được tài trợ bởi Trường Đại học Sài Gòn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. George Yule, (1997), *Dùng học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Gillian Brown, George Yule, (2002), *Phân tích diễn ngôn* (Trần Thuần dịch), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. J. Sinclair và R.M. Coulthard (1975), *Về một phân tích diễn ngôn* (1975). Oxford University Press.

4. Nguyễn Hòa, (2008), *Phân tích diễn ngôn: Một số vấn đề lý luận và phương pháp*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Trần Thiện Khanh (2011), “Bước đầu nhận diện diễn ngôn, diễn ngôn văn học, diễn ngôn thơ”. Tạp chí *Sông Hương*, số 268, tháng 6/2011.

Tiếng Anh

6. Gavins, J. (2007), *Text World Theory: An Introduction*. Edinburgh: Edinburgh University Press.
7. Gavins, J. và Lahey, E. (2016) (eds), *World Building: Discourse in Mind*. Croydon: Bloomsbury.
8. Werth, P. (1995a), *How to Build a World (in a Lot Less Than Six Days and Using Only What's in Your Head)*. Trong K. Green (ed.). *New Essays on Deixis: Discourse, Narrative, Literature*. Amsterdam: Rodopi, 49-80.
9. Werth, P. (1995b), *World Enough and Time: Deictic Space and the Interpretation of Prose*, In P. Verdonk and J.J. Weber (eds). *Twentieth Century Fiction: From Text to Context*. London: Routledge, 181-205.
10. Werth, P. (1999), *Text Worlds: Representing Conceptual Space in Discourse*. London: Longman.
11. Whiteley, S. (2010), *Text World Theory and the Emotional Experience of Literary Discourse* (unpublished PhD thesis). School of English Literature, Language and Linguistics, Sheffield, The University of Sheffield.
12. Whiteley, S. (2011), *Text World Theory, Real Reader and Emotional Responses to the Remains of the Day*. *Language and Literature*, 20 (1), 23-42.

The “text worlds” in the short story of “No king” by Nguyen Huy Thiep

Abstract: This article aims to apply the "Theory of the World of Words" to analyze Nguyen Huy Thiep's short story "No King," a work highly regarded in all aspects of contemporary literature. The "Theory of the World of Words" views the work as a vibrant world contained within a complex and unique linguistic system. In this system, each linguistic unit is a sign of the "interpretation" of the world created by the subjects participating in the text. Using this perspective to analyze the short story "No King" can help readers and literary analysts appreciate the beauty of the style of language and the way Nguyen Huy Thiep meticulously constructs a vivid "world" of the Kien family as a microcosm of a society in transition, with all its interwoven "bright spots" and "dark shadows."

Key words: The text world; deixis; the cognitive world; the modal world.